

# Phân tích thiết kế bài tập trong giáo trình khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp - Nghiên cứu trường hợp giáo trình "Khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp"

Đình Thu Hoài\*

*Đại học Nhân dân Trung Quốc, Bắc Kinh, Trung Quốc*

Nhận bài ngày 24 tháng 03 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 29 tháng 08 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 08 năm 2016

**Tóm tắt:** Bài tập là một phần rất quan trọng trong giáo trình giảng dạy tiếng Hán bởi chất lượng bài tập ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả dạy học. Bài viết lựa chọn giáo trình "*Khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp*" của Lưu Đức Liên và Lưu Hiểu Vũ chủ biên, hiện đang được sử dụng rộng rãi ở Trung Quốc làm đối tượng nghiên cứu. Dựa trên bốn tiêu chí: tính thiết thực, tính thực dụng, tính khoa học và tính hấp dẫn, bài viết phân tích ưu nhược điểm của giáo trình trên ở phương diện thiết kế bài tập. Kết quả nghiên cứu góp phần làm tài liệu tham khảo đối với việc biên soạn, biên tập bài tập trong giáo trình khẩu ngữ.

*Từ khóa:* Giảng dạy tiếng Hán, giáo trình khẩu ngữ, thiết kế bài tập.

## 1. Dẫn nhập

Thiết kế bài tập là một trong những phần quan trọng trong việc biên soạn giáo trình, không những phản ánh chất lượng biên soạn giáo trình mà còn có tác dụng trong việc củng cố kiến thức trọng điểm cho người học. Lý Dương [1: 2] chỉ ra rằng: "*Khi tiến hành đánh giá, kiểm tra giảng dạy, nhận định một bộ giáo trình được coi là biên tập tốt hay không ngoài việc dựa trên đánh giá lựa chọn ngữ liệu, kết cấu tổng thể, quan trọng còn phải đánh giá thiết kế phần bài tập.*"

Nghiên cứu một cuốn giáo trình có chất lượng cao có thể rút được nhiều bài học kinh nghiệm hữu ích cho việc biên soạn giáo trình.

Nhằm đánh giá và đưa ra những quan điểm để xây dựng một bộ giáo trình với phần thiết kế bài tập phù hợp và có hiệu quả, bài viết lựa chọn giáo trình "*Khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp*" [2] của Lưu Đức Liên và Lưu Hiểu Vũ chủ biên làm đối tượng nghiên cứu, phân tích và đánh giá phần "thiết kế bài tập" của giáo trình. Từ năm 1996 đến năm 2007, cuốn giáo trình này đã tái bản 8 lần, số bản in hiện tại hơn 100.000 cuốn, là một trong những giáo trình khẩu ngữ tiếng Hán tiêu biểu được sử dụng rộng rãi trong các trường đại học ở Trung Quốc.

Bài viết dựa trên bốn tiêu chí do Lý Tuyền [3] đưa ra, bao gồm: tính thiết thực, tính thực dụng, tính khoa học và tính hấp dẫn để phân tích ưu nhược điểm của giáo trình trên phương diện thiết kế bài tập.

\*ĐT.: 84-15600606028

Email: dinhhoai.vcn@gmail.com

## 2. Phân tích thiết kế bài tập trong giáo trình "Khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp"

### 2.1. Tính thiết thực

"Nội dung cơ bản về nguyên tắc tính thiết thực là thiết kế và biên soạn nội dung giáo trình phải phù hợp với đặc điểm, nhu cầu của người học, phù hợp với điều kiện và môi trường của người học, phải thể hiện được trọng điểm và điểm khó của ngôn ngữ đích." [3:188]. Dựa vào nguyên tắc trên, bài viết phân tích ưu nhược điểm của giáo trình như sau:

#### Ưu điểm

Thứ nhất, phần bài tập được thiết kế thiết thực gần với cuộc sống thường ngày. Đối tượng người học của giáo trình là lưu học sinh có nền tảng tiếng Hán nhất định tới Trung Quốc du học. Vì vậy, phần bài tập có nội dung liên kết chặt chẽ tới nội dung bài khóa và cuộc sống du học tại Trung Quốc của lưu học sinh. Ví dụ: "说说你来中国以后让你感到新奇的事情。" (T7) (*Hãy kể về một việc nào đó khiến bạn cảm thấy mới lạ sau khi bạn tới Trung Quốc*), "你想学中国武术吗? 想学哪一种?" (T15) (*Bạn muốn học võ thuật Trung Quốc không? Bạn muốn học loại võ nào?*), "介绍你去过的一处中国的名胜古迹" (T179) (*Hãy giới thiệu một danh lam thắng cảnh tại Trung Quốc mà bạn đã tới*), v.v... Những chủ đề như trên gắn gũi với đời sống của lưu học sinh, khiến người học có nhiều nội dung để rèn luyện kỹ năng nói.

Thứ hai, tính thiết thực thể hiện trong việc chú ý sự khác biệt của mỗi quốc gia, tôn trọng sự khác biệt trong văn hóa vùng miền, quốc gia. Ví dụ: "你们国家最受欢迎的电视节目" (T84) (*Nói về chương trình truyền hình mà ở nước bạn được yêu thích nhất?*), "介绍你们国家的一种节日食品, 并试着说它包含的文化含义" (T153) (*Giới thiệu về một loại ẩm thực trong ngày lễ nào đó của nước bạn và ý nghĩa văn hóa của nó?*).

Thứ ba, chú trọng tới mục đích học tập và năng lực ngôn ngữ, chú trọng tới tính cân bằng về "lượng" và "chất". Về số lượng bài tập,

những giáo trình trước thường có tình trạng là số lượng bài tập không đủ so với nhu cầu người học. Những giáo trình mới đã chú trọng tăng thêm lượng bài tập, nhưng điều đó cũng tạo ra áp lực không nhỏ tới người học. Lượng, bao nhiêu là vừa? Triệu Kim Minh [4] cho rằng: "*Bài tập đạt đến độ giáo viên thấy "dùng được", tức có thể áp dụng vào trong giảng dạy. Người học cảm thấy "thích dùng", làm xong các bài tập trong giáo trình có thể vừa cùng cố được nội dung vừa học trên lớp, vừa nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ của bản thân. Lượng những bài tập như thế là hợp lí.*" Do vậy, lượng không nằm ở việc nhiều hay ít mà là ở việc phù hợp hay không. Châu Kiện và Đường Linh [5] cho rằng: "*Tỉ lệ thời gian làm bài tập và thời gian lên lớp học bài khóa của phần bài đó nên giữ ở mức 1:1 là hợp lí.*"

Do mục đích chủ yếu của giáo trình khẩu ngữ là bồi dưỡng cho người học kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp, nên chúng tôi cho rằng có thể bổ sung tăng thêm lượng bài tập một cách hợp lí để người học có cơ hội rèn luyện, trau dồi thêm kỹ năng.

Theo thống kê, số lượng bài tập của giáo trình "*Khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp*" là 113 bài, bình quân có 7,1 bài tập mỗi một bài khóa, ít nhất là 6 bài, nhiều nhất là 9 bài. Tổng số lượng bài tập của giáo trình "*Phát triển khẩu ngữ tiếng Hán*" là 218 bài, bình quân mỗi bài khóa là 7 bài. So sánh hai giáo trình này với nhau, số lượng bài tập bình quân mỗi bài gần như nhau. Dù vậy, hiện tại chưa có tiêu chuẩn nào là tiêu chuẩn chính xác về số lượng dạng bài tập. Chúng tôi cho rằng, với trình độ tiếng Hán trung cấp, 7 bài tập cho mỗi bài khóa là con số hợp lí. Ngoài ra, chất lượng bài tập cũng vô cùng quan trọng. Các dạng bài tập phải bao quát được mọi mặt, từ ngữ âm đến từ vựng, câu, đối thoại, diễn đạt thành đoạn,...

Về tính thiết thực trong năng lực khẩu ngữ, chúng tôi sử dụng ba tiêu chuẩn do Trạch Diễm [6] đưa ra gồm: tính chính xác (accuracy), tính lưu loát (fluency) và độ phức tạp (complexity) để phân tích.

Tính chính xác là chọn đúng hình thức ngôn ngữ để thể hiện ý cần biểu đạt. Tính lưu loát được hiểu là nhấn mạnh sự trôi chảy, mạch lạc và tốc độ. Độ phức tạp còn được gọi là "tái cấu trúc", là quá trình làm cho ngôn ngữ trung gian

phức tạp hơn, chính xác hơn, hoàn thiện hơn. Dựa trên những tiêu chuẩn trên, bài viết tiến hành đánh giá, phân loại các dạng bài tập trong "Khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp", được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng khảo sát bài tập của giáo trình "Khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp"

Thứ tự	Dạng đề	Tính chính xác	Tính lưu loát	Độ phức tạp	
1	朗读句子, 注意带点儿的词语的正确读法	Đọc diễn cảm, chú ý cách đọc của những từ được đánh dấu	++	+	-
2	用正确的语调朗读下面的句子	Đọc diễn cảm những câu dưới đây theo đúng ngữ điệu	++	+	-
3	朗读对话	Đọc diễn cảm đoạn đối thoại	++	+	-
4	说出词的正确读法	Nêu cách đọc đúng của từ	++	-	-
5	根据课文, 用上所给的词语说说	Dựa theo bài khóa, dùng từ đã cho sẵn để nói	+	+	-
6	回答问题, 用上划线部分的词语	Dùng những từ gạch chân để trả lời câu hỏi	+	+	-
7	用带点词语做模仿练习	Bài tập dùng những từ được đánh dấu để mô phỏng	+	+	+
8	请你说说	Mời bạn nói	-	++	+
9	大家谈	Mọi người cùng nói	-	++	+
10	复述	Thuật lại	+	+	-
11	成段表达	Diễn đạt thành đoạn	-	+	+
12	比较带点的词语的意思和用法	So sánh nghĩa và cách dùng của những từ được đánh dấu	+	-	-
13	给一段话谈谈你的观点	Cho một đoạn hội thoại, nói về quan điểm của bạn	-	+	+
14	解释划线词语的意思	Giải thích ý nghĩa của từ gạch chân	+	-	-
15	替换划线部分的词语	Thay thế những từ gạch chân	+	-	-
16	看图说话	Nói theo tranh	-	-	+
17	词语扩展练习	Bài tập mở rộng từ vựng	+	-	-
18	说出跟某个方面有关的词语	Nói những từ liên quan tới chủ đề nào đó	+	-	-
19	说说自己对那些话的理解或感受	Nói về cách lí giải và cảm nhận của bạn về những câu sau	+	-	-
20	查词典了解词的意思, 造句	Tra từ điển để hiểu nghĩa của từ, đặt câu	+	-	-
21	阅读下面几首古代诗歌	Đọc những bài thơ cổ dưới đây	+	+	-
22	讨论	Thảo luận	-	-	+
23	进行对话	Thực hành đối thoại	-	+	+

24	想想情景, 回答问题	Dựa theo ngữ cảnh, trả lời câu hỏi	-	-	+
25	分角色, 表演	Phân vai, biểu diễn	-	-	+
26	创造并表演	Sáng tạo và biểu diễn	-	-	++
27	辩论	Biện luận	-	+	+
28	社会实践	Thực tiễn xã hội	-	-	+
29	社会调查	Điều tra xã hội	-	-	+

Chú thích: "+" chỉ "có đặc tính này", "++" chỉ "đặc tính thể hiện rõ", "-" chỉ "không có đặc tính này"

Từ bảng trên, chúng tôi thấy có trên một nửa dạng bài tập chỉ chú trọng đến một đặc tính. Dạng bài chú trọng tới trên hai đặc tính tương đối ít. Trong giáo trình, nếu có thể thiết kế những bài tập gồm hai đặc tính trở lên sẽ có hiệu quả hơn trong việc giúp người học nắm vững các kỹ năng, đặc biệt là nâng cao năng lực giao tiếp khẩu ngữ.

#### Nhược điểm

Thứ nhất, một số bài tập không phù hợp với giới tính hoặc sở thích của toàn bộ người học, như: "怎样对待球场上裁判的误判" (T66) (*Nên xử sự thế nào với phán quyết sai của trọng tài trên sân bóng?*). Đề bài này sẽ không thu hút được bộ phận người học là nữ hoặc không có hứng thú với bóng đá. Một số bài tập xa rời với cuộc sống của người học, như: "怎样才能提高人民的文化素质" (T25) (*Làm thế nào để nâng cao tố chất văn hóa của người dân?*), "你认为该不该对孩子进行早期智力投资?" (T57) (*Bạn có cho rằng nên đầu tư để nâng cao trí tuệ sớm cho trẻ nhỏ không?*). Những vấn đề này xa rời với thực tế của bản thân người học với độ tuổi thanh niên.

Thứ hai, dạng bài tập ít. Theo thống kê ở biểu trên, giáo trình gồm 29 dạng bài tập, ít hơn rất nhiều so với giáo trình "Giáo trình Hán ngữ: Văn hóa hai chiều" [7] với tổng cộng 47 dạng bài tập. Ngoài ra, giáo trình "Khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp" chỉ chú trọng tới biểu đạt một phía, như "Hãy nói về tình hình nào đó của nước bạn", không so sánh với chính đất nước Trung Quốc. Ngược lại, giáo trình "Giáo trình Hán ngữ: Văn hóa hai chiều" chú trọng tới việc so sánh văn hóa Trung Quốc. Trong các đề bài

nói, thường ở dạng: "Hãy nói về tình hình nào đó của Trung Quốc và so sánh với nước bạn".

#### 2.2. Tính thực dụng

Nguyên tắc tính thực dụng của giáo trình chỉ người học có thể sử dụng được trong thực tế, gắn gũi với cuộc sống hàng ngày, làm cho người học cảm thấy là "học xong dùng được".[3:211]

#### Ưu điểm

Tính thực dụng trong thiết kế bài tập của giáo trình này chủ yếu thể hiện ở chỗ phù hợp với nhu cầu thực tế của người học, lựa chọn ngữ cảnh tại Trung Quốc, xuất phát từ môi trường trường học, dần dần dần dặt thâm nhập vào các mặt của cuộc sống trong xã hội Trung Quốc. Ví dụ: "说说有关夜校的一些情况" (T75) (*Nói về một vài vấn đề của lớp học buổi tối*), "介绍你去过的一处中国的名胜古迹" (T179) (*Giới thiệu về những danh lam thắng cảnh của Trung Quốc mà bạn đã từng tới*) v.v... Hoặc một vài dạng đề đối thoại dưới đây:

第一课《你想听听我的忠告吗?》

二、朗读下面的对话, 然后用上加点儿

词语做模仿练习:

1. 甲: 你的同屋最近是不是在学太极拳?

乙: 可不是嘛, 看, 又练上了。

2. 甲: 这么多词典, 你买哪种好?

乙: 依我看, 这本厚的例句多, 买它吧

3. 甲：电话响了，你怎么不接？

乙：肯定又是上星期认识的那个人，这几天他一个劲儿给我打电话，真讨厌！

4. 甲：你今天上课怎么没精神？

乙：昨天晚上没睡好，实在困得慌。

5. 甲：我把自行车忘在商店门口了。

乙：看你，老这么马马虎虎的。

Bài tập trên sử dụng các từ "太极拳" (*thái cực quyền*), "词典" (*từ điển*), "自行车" (*xe đạp*), "上课" (*lên lớp*), "商店" (*cửa hàng*) là những từ liên quan đến cuộc sống hàng ngày trong trường học. Vận dụng những chủ đề, những từ vựng từ các hoạt động thực tế, giúp quá trình dạy học được thực tế hóa, giúp cho người học có thể áp dụng ngay vào thực tiễn giao tiếp của bản thân một cách hiệu quả.

#### Nhược điểm

Trong một số phần bài tập vẫn tồn tại hiện tượng bài tập xa rời thực tế, ví dụ: "怎么样才能有效的减肥?" (*Làm thế nào để giảm béo có hiệu quả?*), "介绍你们国家有关治疗制度的情况" (*Giới thiệu tình hình chế độ y tế của nước bạn*), "你所在的国家研究生的收入和消费情况怎么样?" (*Mức thu nhập và chi tiêu của nghiên cứu sinh nước bạn như thế nào?*) v.v... Những chủ đề này chỉ nhằm vào sở thích và kinh nghiệm của một vài cá nhân người học nào đó, không phù hợp với nhu cầu phổ biến của học sinh, sinh viên.

Chúng tôi cho rằng với đặc thù là giáo trình khẩu ngữ, nên chú trọng hơn những dạng bài tập có tính giao lưu như nói về bản thân, đối thoại, thảo luận nhóm, tập thể để tăng cường tính thực dụng thông qua các dạng đề như đối thoại, biện luận, phỏng vấn, biểu diễn v.v...

### 2.3. Tính khoa học

Nguyên tắc tính khoa học của bài tập được thể hiện ở sự tương quan giữa nội dung và hình thức bài tập với nội dung dạy học, mục đích dạy

học và đặc điểm của bài học. "Nội dung quy phạm, sắp xếp hợp lý" [3:198]

#### Ưu điểm

Trọng tâm của giáo trình "Khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp" là bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp khẩu ngữ của người học, chú trọng việc luyện tập đối thoại theo tình huống và biểu đạt thành đoạn. Nguyên tắc về tính khoa học của giáo trình được thể hiện qua các mặt sau:

Thứ nhất, bài tập được sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao, từ dễ đến khó. Về tổng thể, bài tập được chia thành 5 loại, về cơ bản là xuất hiện theo thứ tự dưới đây:

(1) Luyện tập ngữ âm: đọc câu, chú ý cách đọc của những từ được đánh dấu, đọc những câu dưới đây theo đúng ngữ điệu, đọc đoạn đối thoại, nêu cách đọc đúng của từ, đọc những bài thơ cổ dưới đây v.v...

(2) Luyện tập từ vựng: tra từ điển để hiểu nghĩa của từ, nói những từ liên quan tới chủ đề nào đó, thay thế những từ gạch chân, giải thích ý nghĩa của từ gạch chân, so sánh nghĩa và cách dùng của những từ được đánh dấu v.v...

(3) Luyện tập câu: giải thích nghĩa của câu, bài tập từ vựng nâng cao, đặt câu v.v...

(4) Luyện tập đối thoại: mô phỏng biểu diễn, mô phỏng hội thoại, hoàn thành hội thoại, đối thoại theo tình huống, phân vai và biểu diễn v.v...

(5) Dạng bài biểu đạt thành đoạn: thảo luận, mời bạn nói, mọi người cùng nói, biện luận, diễn đạt thành đoạn, thuật lại, nói theo tranh, diễn giảng, trần thuật theo yêu cầu, diễn đạt thành đoạn theo yêu cầu v.v...

Có thể thấy, các dạng bài tập đi từ "lấy từ vựng làm trọng tâm" đến "lấy câu làm trọng tâm", tuân theo thứ tự "ngữ âm – từ vựng – câu – đối thoại – đoạn văn". Tính khoa học được thể hiện ở cách sắp xếp phân cấp hợp lý.

Thứ hai, chú trọng mở rộng nâng cao. Nhiệm vụ của bài tập trong giáo trình trước hết là củng cố nội dung phần đã được học, tiếp đó là mở rộng nâng cao. Phần bài tập theo dạng ôn tập là những nội dung đã sẵn có trong bài khóa, còn phần mở rộng nâng cao là phần giúp người

học luyện tập cách tự biểu đạt. Ví dụ: Những dạng bài như "朗读并正确理解下面的句子" (*Đọc diễn cảm và hiểu đúng câu dưới đây*), "注意带点词汇的用法" (*Chú ý cách dùng từ vựng được đánh dấu*), "根据课文用上所给的词语回答下面的问题" (*Dựa theo bài khóa để trả lời câu hỏi dưới đây*), "复述" (*Tường thuật lại*) v.v... Những dạng bài tập này thuộc phần ôn tập, giúp học sinh nắm được từ vựng và nội dung bài khóa. Những dạng bài như "请大家谈谈" (*Mọi người cùng nói*), "谈谈你的观点, 为什么?" (*Hãy nói lên quan điểm của bạn, tại sao?*), "根据实际情况谈一谈" (*Dựa theo tình hình thực tế để nói*) v.v... thuộc phần mở rộng nâng cao, phần này buộc học sinh phải vận dụng những từ mới, cấu trúc mới để hoàn thành, giúp người học có thể biểu đạt suy nghĩ của bản thân, không gò bó ràng buộc với bài khóa.

Thứ ba, độ khó tăng dần, lặp lại ở nhiều ngữ cảnh. Ví dụ:

Bài 4 "今天我请客", câu "那像什么话" được lặp lại 2 lần trong phần bài tập:

Lần thứ nhất trong bài tập 1:

一、用争取的语调读下面的句子, 并解释划线词语的意思:

"那像什么话! 哪有男的让女的请客的?"

"

Lần thứ hai trong bài tập 3:

三、完成下面对话, 然后用带点儿的词语做模仿会话练习:

甲: 你要是喜欢就拿去吧, 我再去买一个

乙: 那像什么话! \_\_\_\_\_。

"那像什么话" xuất hiện trong bài tập 1 với mục đích để người học có thể phát âm chính xác, đúng ngữ khí và nắm được nghĩa của từ này. Bài tập 3 có mục đích để người học có thể vận dụng từ này ở nhiều ngữ cảnh khác nhau. Qua hai dạng bài tập này, từ này được lặp lại và

tăng dần độ khó, không chỉ giúp cho người học nắm được nghĩa của "那像什么话" mà còn có thể vận dụng trong ngữ cảnh cụ thể.

#### Nhược điểm

Một số tiêu đề bài tập tương đối phức tạp, dễ khiến người học phải dồn sự tập trung vào việc phân tích đề bài, như: "朗读下面的对话, 然后用上加点儿的词语做模仿练习" (*Đọc đoạn đối thoại dưới đây, sau đó dùng những từ được đánh dấu làm bài tập mô phỏng*), "朗读下面的几组句子, 并比较带点词语不同意思和用法" (*Đọc những cụm từ phía dưới, so sánh ý nghĩa và cách dùng của những từ được đánh dấu*)... Trong khi đó, phần bài tập trong giáo trình "Phát triển Hán Ngữ" sử dụng tiêu đề tương đối đơn giản, dễ nhớ theo cách lặp từ, như: "读一读" (*Thử đọc nhé*), "试一试" (*Thử nào*), "讲一讲, 谈一谈" (*Nói một chút*), "问一问, 答一答" (*Hỏi và đáp*), "想一想, 说一说" (*Nghĩ và nói*). Có thể thấy, tiêu đề bài tập của giáo trình "Phát triển Hán ngữ" ngắn gọn hơn, không mang lại cảm giác áp lực với người học như những đề dài dòng ở ví dụ trên. Vì vậy, chúng tôi cho rằng tiêu đề nên đi trực tiếp vào yêu cầu của bài tập, giảm thiểu những từ ngữ mang tính tường thuật, dù ý nhưng ngắn gọn, súc tích.

Ngoài ra, một số tiêu đề như "以玛丽的口吻, 复述这天他们在湖边的所见所闻" (T14), (Bằng khẩu khí của Mary, tường thuật lại những gì họ đã thấy ở bờ hồ ngày hôm đó), "以一个出租车司机的口吻, 讲述自己的日常生活" (T25) (Bằng khẩu khí của một người lái xe taxi, nói về cuộc sống hàng ngày của mình). Từ "口吻" (khẩu khí, ngữ khí, giọng điệu) không nằm trong kho từ vựng người học đã học, dẫn đến khó hiểu cho người học. Vì vậy, khi thiết kế bài tập, nên chú ý ngay cả cách chọn từ dễ hiểu với người học.

Thứ hai, một số dạng đề thiết kế thiếu ngữ cảnh, thiếu tính khoa học. Ví dụ:

第10课 《穿上旗袍真是挺漂亮的》

二、替换划线部分的词语，然后各说一句完整的话或用于对话中：

1. 怎么看怎么不舒服

穿 别扭

装 不像

喝 不醉

2. 是让人觉得挺别扭的

难过

生气

没有意思

Trong tiếng Hán có rất nhiều từ đa nghĩa, cần phải dựa theo ngữ cảnh mới có thể nhận biết được ý nghĩa của từ. Những dạng đề trên chỉ đơn thuần dùng phương thức thay thế, hoán đổi khô khan và cứng nhắc mà không có ngữ cảnh, dẫn đến việc người học chỉ ghi nhớ một cách máy móc mà chưa thông thạo về cách dùng.

2.4. Tính hấp dẫn

Trong thiết kế bài tập, tính hấp dẫn là một nhân tố quan trọng trong việc khơi dậy nguồn cảm hứng cho người học. "Tính hấp dẫn của giáo trình do nhiều yếu tố tạo thành, bao gồm hai phương diện: nội dung và hình thức" [3: 224]. Nội dung thể hiện ở những chủ đề thú vị, có thể đáp ứng được nhu cầu của người học ngoại quốc ở độ tuổi thanh niên. Hình thức thể hiện trong việc thiết kế bìa sách, font chữ, cỡ chữ, tranh ảnh, hiệu quả in, chất lượng sách, v.v...

Ưu điểm

Xét về mặt nội dung, giáo trình "Khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp" phản ánh những vấn đề thực tiễn, gần với những ví dụ trong cuộc sống thường nhật của người học, những vấn đề, sự việc mà người học chắc chắn sẽ gặp phải trong cuộc sống, như:

Ví dụ 1:

第五课《读书是一种享受》

三、完成下面的对话，然后用上带点的词语做模仿会话练习：

1. 甲：不努力学习的学生，我们不能给你们办理延长手续。

乙：听你的口\_\_\_\_\_。

2. 甲：你是不是爱上她了？

乙：多少有那么点吧，\_\_\_\_\_。

3. 甲：他这次考试又不及格。

乙：\_\_\_\_\_考得好才怪呢！

4. 甲：妈妈让我回国，可我不想走。

乙：要照我说，\_\_\_\_\_。

5. 甲：你看她长得像不像一位电影明星？

乙：你还别说\_\_\_\_\_。

6. 甲：你你房间有那么多电影杂志，你一定是个影迷吧？

乙：你算是说着了，\_\_\_\_\_。

Những tình huống mà bài tập trên thiết kế, gồm: làm thủ tục gia hạn học tập, tình yêu, thi cử, về nước, phim ảnh, v.v... đều phản ánh cuộc sống chân thực của đời sống sinh viên. Có thể nói, những đề bài tập như trên sẽ khiến cho người học cảm thấy thân thiết, từ đó đem đến cảm hứng cho người học, để người học có thể nhập vai vào chính ngữ cảnh trong bài tập đó.

Ví dụ 2:

第十四课《说变就变（荒诞剧）》

六、分角色表演课文中小话剧的片段或者全部

Dạng bài tập "角色表演" (Phân vai biểu diễn) giúp người học nhập vai vào tình huống trong bài khóa và biểu diễn như một nhân vật trong câu chuyện. Trong quá trình biểu diễn,

người học không những có thể củng cố lại nội dung của bài khóa mà còn luyện tập được những kỹ năng có lợi cho việc phát triển và rèn luyện khả năng biểu đạt ngôn ngữ như ngữ khí, thân thái, động tác v.v...

Về mặt hình thức, giáo trình "*Khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp*" đã chú ý tới việc tăng tính hấp dẫn trong các bài tập biểu đạt thành đoạn, kích thích người học phát huy tư duy. Ví dụ: "谈谈自己的看法" (*Nói về quan điểm của bạn*), "看图说话" (*Nói theo tranh*), "表演" (*Biểu diễn*), "辩论" (*Biện luận*), "社会实践" (*Thực tiễn xã hội*), "社会调查" (*Điều tra xã hội*). Ngoài ra, giáo trình còn bổ sung thêm phần văn hóa, như: "朗读中国古代诗歌" (*Đọc thơ cổ đại Trung Quốc*), "介绍自己国家的情况" (*Giới thiệu về đất nước bạn*). Những dạng bài tập này giúp người học giảm bớt áp lực tâm lý, đồng thời cũng khiến người học cảm thấy đỡ khô khan, giúp người học tích cực hơn, góp phần gây dựng niềm hứng thú học tập.

Về phương diện thiết kế bìa và sử dụng hình ảnh, giáo trình "*Khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp*" có nhiều màu sắc hình ảnh. Tiêu đề mỗi bài tập hoặc ví dụ cùng với nội dung bài tập đều được dùng hai màu khác nhau để phân biệt. Hầu như mỗi bài khóa đều có thêm hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung bài.

#### Nhược điểm

Xét về phương diện độ tuổi và nghề nghiệp của người học, giáo trình có những chủ đề bài tập đề cập tới những vấn đề quá lớn, quá rộng về lĩnh vực chính trị, kinh tế, phát triển xã hội thường khó khiến người học cảm thấy có cảm hứng, như: "了解你居住城市有哪些夜间场所以及在那里的消费水准, 并了解那里的人们的消费的心态, 回来在班里汇报" (P76) (*Tìm hiểu về những hoạt động về đêm cùng với mức tiêu dùng và tâm lý chi tiêu của mọi người ở thành phố bạn sinh sống, báo cáo trước lớp*). Một số dạng đề quá khó, như: "辩论电视剧的发展对电影事业是一种冲击" (P84) (*Biện luận về sự phát triển của phim dài tập tác động xấu tới ngành điện ảnh*). Phạm vi quá

rộng, như: "谈谈你对中国发展 旅游事业的意见与建议" (P179) (*Ý kiến và góp ý của bạn cho sự phát triển ngành du lịch Trung Quốc*).

Tuy việc bổ sung tranh ảnh khiến giáo trình "*Khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp*" trở nên sinh động hơn những giáo trình trước đó nhưng vẫn còn tồn tại một số nhược điểm như: loại tranh ảnh không phong phú, in không rõ nét, một số ảnh và nội dung không ăn nhập, v.v...

### 3. Kết luận

"*Khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp*" là giáo trình khẩu ngữ có tính tiêu biểu, được sử dụng rộng rãi tại Trung Quốc. Bài viết thông qua bốn tiêu chí: tính thiết thực, tính thực dụng, tính khoa học và tính hấp dẫn, đã phân tích ưu nhược điểm của giáo trình. Từ những phân tích trên, chúng tôi cho rằng, để thiết kế được hệ thống bài tập hợp lý trong một giáo trình khẩu ngữ cần đạt được những yêu cầu dưới đây:

Thứ nhất, thiết kế bài tập cho giáo trình khẩu ngữ phải kết hợp với luyện tập về ngôn ngữ cùng với kỹ năng giao tiếp, phù hợp ba tiêu chuẩn: tính chuẩn xác, tính lưu loát và độ phức tạp.

Thứ hai, thiết kế bài tập cho trình độ tiếng Hán trung cấp, cần cân nhắc tới số lượng bài tập. Chúng tôi cho rằng 7 bài tập cho mỗi một bài khóa là con số hợp lý. Bài tập nên sắp xếp theo thứ tự từ cứng cố tới mở rộng, từ dễ tới khó, từ bề nổi tới chiều sâu. Theo thời gian học, có thể cho thêm một số bài tập có tính thử thách với người học để nâng cao trình độ tiếng Hán.

Thứ ba, thiết kế bài tập cho giáo trình tiếng Hán cho người nước ngoài cần chú ý tới đặc trưng của đối tượng, như: tuổi tác, giới tính, nghề nghiệp, tôn giáo tín ngưỡng, bối cảnh văn hóa, thái độ với tiếng Hán, Trung Quốc và văn hóa Trung Quốc, v.v... Ngoài ra, chú trọng so sánh Trung Quốc với nước khác, bồi dưỡng kỹ năng quan sát và kỹ năng tư duy của người học.

Thứ tư, dạng đề bài tập phong phú, nội dung mang tính thời đại, tư liệu ngôn ngữ lấy từ cuộc sống thực tế, kết hợp tính thực dụng và



tính dẫn dắt, cổ vũ người học học đến đâu, dùng tới đó.

Thứ năm, thiết kế giao diện, tranh ảnh thực tế, rõ nét, mỹ quan, có thể phản ánh nhiều thông tin tới cho người học, có tính hiệu quả và tính hấp dẫn.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Lý Dương, Đánh giá "Nhịp cầu- giáo trình tiếng Hán trung cấp thực dụng", tạp chí Nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, số 2, 1998. (李杨, 凭《桥梁—实用汉语中级教程》, 《语言教学与研究》1998年, 第2期)
- [2] Lưu Đức Liên, Lưu Hiểu Vũ, Giáo trình khẩu ngữ tiếng Hán trung cấp, 1996. 刘德联、刘晓雨编写《中级汉语口语》, 北京大学出版社, 1996年)
- [3] Lý Tuyền, Lý thuyết giáo trình Hán ngữ đối ngoại, NXB Thương vụ, 2012. (李泉, 对外汉语教材通论, 商务印书馆, 2012年)
- [4] Triệu Kim Minh, Luận về tính sáng tạo trong giáo trình Hán ngữ đối ngoại, tạp chí Giảng dạy Hán ngữ thế giới, số 2, 1997. (赵金铭, 对外汉语教材创新略论, 《世界汉语教学》1997年, 第2期)
- [5] Châu Kiện, Đường Linh, Khảo sát và suy nghĩ về thiết kế bài tập trong giáo trình Hán ngữ đối ngoại, tạp chí Nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, số 4, 2004. (周健、唐玲, 对外汉语教材练习设计的考察与思考, 《语言教学与研究》2004年, 第4期)
- [6] Trạch Diễm, Khẩu ngữ tiếng Hán: Từ giảng dạy tới thử nghiệm, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2013. (翟艳, 汉语口语: 从教学到测试, 北京语言大学出版社, 2013年)
- [7] Lý Tuyền, Dương Thụy, Thiết kế và thực thi "Giáo trình Hán ngữ: Văn hóa hai chiều", NXB Giảng dạy Hoa ngữ, 1999. (李泉、杨瑞, 《汉语文化双向教程》的设计与实施, 华语教学出版社, 1999年)

## An Analysis of Exercise Design in Textbook of Intermediate Spoken Chinese: A Case Study

Dinh Thu Hoai

*School of Liberal Arts, Renmin University of China, Haidian, Beijing, China*

**Abstract:** Exercise design plays an important role in Chinese textbooks for oral practice, and exerts a direct impact on teaching effectiveness. The textbook of "Intermediate Spoken Chinese" by Liu Delian, Liu Xiaoyu is selected as a subject for an analysis of characteristics of exercise design in order to evaluate its four aspects of relevance, practicality, organizational structure and interest, followed by a discussion of the relevant advantages and disadvantages. Finally, some suggestions for effectively designing the exercises of a spoken Chinese textbook are made.

**Keywords:** Chinese teaching, spoken Chinese textbook, exercise design.